

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
DÀNH CHO THÍ SINH TỐT NGHIỆP THCS VÀO HỌC CÁC NGÀNH TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2026 (Đợt 1- tháng 8.2026)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDLC ngày tháng 08 năm 2026 của Trường Cao đẳng Lào Cai)

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
1	TẦN ỒNG NHI	03/11/2011	Nam	010211006356	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
2	TRẦN NGỌC SƠN	19/12/2011	Nam	010211002803	9/12	Tằng Loòng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
3	ĐẶNG MINH CHIÊN	25/5/2011	Nam	010211002389	9/12	Sơn Hà	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
4	BÀN VĂN PHÚC	10/3/2011	Nam	010211001346	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
5	NGUYỄN TRỌNG QUỐC BẢO	26/6/2011	Nam	010211003962	9/12	Tằng Loòng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
6	TRIỆU NGUYỄN PHÚC	22/11/2011	Nam	010211008353	9/12	Tằng Loòng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
7	TRIỆU MINH NGỌC	12/7/2010	Nam	010210007125	9/12	Tằng Loòng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
8	LÝ BẢO NAM	09/02/2011	Nam	010211005821	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
9	TÂN MINH QUÂN	17/10/2011	Nam	010211009896	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
10	SỈN VĂN DẦN	14/11/2010	Nam	010210003226	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
11	TÂN NGỌC NGUYỄN	26/8/2011	Nam	010211002307	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
12	TRẦN ANH THỨ	12/12/2011	Nam	010211004168	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
13	HÀ NGỌC ĐỨC	26/12/2011	Nam	010211008910	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
14	PHÙNG VIỆT THẮNG	24/7/2011	Nam	010211009993	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
15	GIÀNG A MINH	14/5/2011	Nam	010211004457	9/12	A Mú Sung	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
16	CHẢO LÁO TẢ	06/6/2010	Nam	010210004655	9/12	Mường Bo	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
17	THẢO A DE	28/3/2009	Nam	010209009153	9/12	Mường Hum	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
18	TÂN MINH QUÂN	13/3/2011	Nam	010211007593	9/12	Bát Xát	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
19	LÒ PHỤ LIÊU	21/10/2011	Nam	010211002368	9/12	Bát Xát	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
20	LÒ MINH TIẾN	07/11/2011	Nam	010211000340	9/12	Bát Xát	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
21	LÒ MINH ĐỨC	05/9/2011	Nam	010211002326	9/12	Bát Xát	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
22	PHẦN SINH KIÊM	13/10/2011	Nam	010211008453	9/12	Tằng Loòng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
23	ĐẶNG BẢO LÂM	28/5/2011	Nam	010211010156	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
24	TRIỆU PHÚ CƯỜNG	24/6/2011	Nam	010211008639	9/12	Tằng Loòng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
25	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	04/11/2011	Nam	010211005985	9/12	Tằng Loòng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
26	TRIỆU QUỐC VIỆT	29/10/2011	Nam	010211003668	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
27	CHẢO ỒNG CHẨN	18/4/2011	Nam	010211010108	9/12	Tằng Loòng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
28	BÀN TRUNG HIẾU	25/01/2011	Nam	010211009013	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
29	Tân Khánh Duy	21/02/2011	Nam	010211009434	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
30	PHAN THANH PHONG	9/11/2011	Nam	010211002661	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
31	GIÀNG A HÙNG	24/10/2010	Nam	010210003022	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
32	BÀN CHÍ THỨC	15/10/2011	Nam	010211003028	9/12	Thượng Hà	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
33	CHẢO VĂN THÀNH	02/12/2011	Nam	010211006683	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
34	PHẦN LÃO TẢ	21/9/2011	Nam	010211006085	9/12	Tả Phìn	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
35	SÙNG A CHỮ	04/6/2011	Nam	010211002672	9/12	Tả Phìn	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
36	SÙNG A CỬ	01/12/2011	Nam	010211003936	9/12	Bản Xèo	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
37	LÝ A SINH	17/6/2011	Nam	010211007140	9/12	Bản Xèo	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
38	THẢO A SÁNG	20/01/2010	Nam	010210007690	9/12	Tả Van	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
39	THẢO A CẮNG	03/4/2011	Nam	010211005338	9/12	Tả Van	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
40	TRƯƠNG NGỌC TẤN MINH	3/4/2010	Nam	010210010873	9/12	Cốc San	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
41	LÀU XUÂN TOÀN	27/05/2011	Nam	015211007038	9/12	Châu Quế	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
42	LÝ LÃO LỖ	24/12/2011	Nam	010211008806	9/12	Tả Phìn	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
43	PHẠM HOÀNG HÀ	13/8/2011	Nam	010211008635	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
44	PỖ DUNG TÚ	20/10/2011	Nam	010211008669	9/12	Pha Long	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
45	CỔ VIỆT HOÀNG	18/1/2011	Nam	010211002159	9/12	Nghĩa ĐỒ	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
46	VŨ ĐỨC HUY	04/6/2011	Nam	010211007742	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
47	LIÊU ĐẠI NGHĨA	26/8/2011	Nam	010211002301	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
48	ĐOÀN TRẦN TIẾN PHÁT	07/7/2011	Nam	010211008369	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
49	ĐƯỜNG NGUYỄN HÙNG	29/3/2011	Nam	010211001674	9/12	Tằng Loóng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
50	PHÙNG QUANG NGUYỄN	14/02/2011	Nam	010211007045	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
51	NGUYỄN VĂN TUẤN	12/02/2011	Nam	010208009850	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
52	VÀNG VĂN TRƯỜNG	27/11/2011	Nam	010211005831	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
53	CỔ ĐỨC QUYỀN	6/8/2011	Nam	010211009627	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
54	VÀNG ĐÌNH THIỆP	19/8/2011	Nam	010211008896	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
55	TRẦN QUỐC VIỆT	30/5/2011	Nam	010211009957	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
56	VÀNG XUÂN VIỆT	26/3/2011	Nam	010211004968	9/12	XUÂN HÒA	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
57	TẤN VIỆT ANH	19/10/2011	Nam	010211004450	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
58	ĐỖ CƯỜNG THỊNH	05/8/2011	Nam	010211000558	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
59	SÙNG DỪNG HÙNG	6/9/2011	Nam	010211010738	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
60	CHẢO QUANG TRUNG	05/08/2011	Nam	010211008168	9/12	Bản Hồ	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
61	PHẦN QUỶ KIM	14/11/2011	Nam	010211007325	9/12	Tằng Loóng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
62	NGUYỄN NAM PHONG	28/7/2011	Nam	010211001283	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
63	TRƯƠNG VĂN MINH	9/3/2010	Nam	010210008720	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
64	TRẦN VĂN QUYỀN	23/01/2010	Nam	010210009158	9/12	Tằng Loóng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
65	PHÙNG THANH HẢI	23/4/2010	Nam	010210004262	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
66	HỒ TRƯỜNG GIANG	20/11/2011	Nam	010211000448	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
67	VÀNG TRỌNG NHÂN	11/6/2011	Nam	010211007691	9/12	Bản Hồ	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
68	ĐỖ ĐỨC ANH	17/6/2011	Nam	010211009214	9/12	Trịnh Tường	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
69	LÝ BÌNH QUÝ	18/9/2011	Nam	010211008760	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
70	THẢO SEO MẠNH	04/12/2011	Nam	0	9/12	Bảo Nhai	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
71	GIÀNG CHÍNH NGHĨA	02/01/2011	Nam	0	9/12	Sín Chéng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
72	TRIỆU MINH HIẾU	09/9/2011	Nam	010211008787	9/12	Tằng Loỏng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
73	VƯƠNG QUỐC LONG	16/11/2010	Nam	010210003787	9/12	Phong Hải	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
74	TRIỆU HỒNG PHONG	17/4/2011	Nam	010211009939	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
75	SÙNG QUANG SÁNG	5/11/2011	Nam	010211008452	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
76	LÝ XUÂN LỘC	18/7/2011	Nam	010211000232	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
77	ĐOÀN DUY ĐỨC	17/01/2011	Nam	035211006890	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
78	TRIỆU PHÚC TÀI	07/04/2011	Nam	010211002329	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
79	TRIỆU QUÝ TÌNH	18/06/2011	Nam	010211001499	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
80	TRIỆU NGUYỄN TIẾN	03/03/2011	Nam	010211006022	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
81	PHẠM KIẾN QUỐC	21/03/2011	Nam	010211006672	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
82	TRẦN MINH NGỌC	23/6/2011	Nam	010211002428	9/12	Mường Bo	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
83	NGÔ BẢO KHIÊM	05/01/2011	Nam	010211002119	9/12	Khánh Yên	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
84	HÀNG VÔ CỰC	28/12/2011	Nam	015211005878	9/12	Lâm Giang	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
85	LÊ QUỐC VIỆT	12/8/2011	Nam	010211005402	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
86	HOÀNG XUÂN GIAO	26/3/2011	Nam	010211007573	9/12	Bảo Yên	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
87	ĐỖ THÀNH ĐẠT	03/8/2011	Nam	010211005061	9/12	Tằng Loỏng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
88	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	04/12/2010	Nam	0	9/12	Văn Lang	Phú Thọ	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
89	LỤC VĂN KHÁNH	2/9/2011	Nam	010211007834	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
90	THẢO VĂN QUẢNG	10/5/2011	Nam	010211005973	9/12	Pha Long	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
91	LÙ VINH QUANG	9/11/2011	Nam	010211004842	9/12	pha Long	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
92	HOÀNG ANH TÙNG	2/7/2011	Nam	010211009904	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
93	SIN DỪNG ĐĂNG	19/10/2011	Nam	010211008522	9/12	Mường Khương	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
94	TRIỆU VĂN TRUNG	12/5/2009	Nam	010209007794	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
95	TRƯƠNG TIẾN LỘC	15/5/2009	Nam	010209007612	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
96	PHẠM HOÀI NAM	19/7/2011	Nam	010211003948	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
97	VÀNG VĂN HÙNG	11/7/2011	Nam	010211010030	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
98	GIÀNG THÀNH CÔNG	7/2/2010	Nam	010210004198	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
99	LÙ A ĐÔNG	13/2/2010	Nam	010210005162	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
100	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	31/1/2010	Nam	010210002205	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Công nghệ ô tô	Trung cấp	
101	LÝ ÔNG NHẬT	06/3/2011	Nam	010211007345	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
102	PHẦN CHÔI SÊNH	12/10/2011	Nam	010211005727	9/12	Tăng Lông	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
103	PHẦN ÔNG CÁU	20/01/2011	Nam	010211007666	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
104	CHÀO VĂN HẢI	18/11/2011	Nam	010211005411	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
105	LÝ SINH HÙNG	27/8/2011	Nam	010211002953	9/12	Mường Khương	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
106	PHẠM LÊ HẢI NAM	28/8/2011	Nam	010211008073	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
107	NGUYỄN GIA HUY	15/01/2011	Nam	010211004933	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
108	TRIỆU QUỐC NAM	02/11/2011	Nam	010211000250	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
109	PHẦN SINH QUÂN	10/6/2011	Nam	010211002392	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
110	CHÀO LÁO SAN	08/9/2010	Nam	010210010219	9/12	Mường Bo	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
111	TRIỆU VĂN QUÝ	21/3/2011	Nam	010211002877	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
112	LÝ TRÍ DŨNG	5/4/2011	Nam	010211007820	9/12	Thượng Hà	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
113	GIÀNG TUẤN TÚ	21/1/2011	Nam	010211002925	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
114	TRƯƠNG VĂN KHÁNH	22/12/2011	Nam	010211008213	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
115	Hoàng Anh Tuấn	10/8/2001	Nam	0	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
116	LA QUỐC VIỆT	13/01/2011	Nam	010211001527	9/12	Khánh Yên	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
117	VƯƠNG XUÂN HIỆP	13/2/2011	Nam	010211009332	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
118	LŨU QUỐC PHONG	27/8/2011	Nam	010211006398	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
119	SÙNG MINH TRƯỜNG	5/1/2011	Nam	010211005106	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
120	GIANGF SEO QUANG	19/4/2011	Nam	010211004997	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
121	LƯƠNG HOÀNG BẢO	22/7/2011	Nam	010211003987	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
122	NGUYỄN KỶ NAM	12/7/2011	Nam	010211003783	9/12	Xuân Giao	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
123	ĐÀO MẠNH HÙNG	14/7/2011	Nam	010211006842	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
124	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	09/4/2011	Nam	010211004006	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
125	PHẠM TRUNG HIẾU	09/6/2011	Nam	010211007690	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
126	HẦU SEO DÌNH	5/12/2009	Nam	010209009679	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
127	LÂM NGỌC LINH	5/3/2011	Nam	010211001347	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
128	TRIỆU MẠNH TƯỜNG	1/10/2011	Nam	010211007096	9/12	Phúc Khánh	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
129	GIÀNG ĐỨC HIẾU	11/3/2010	Nam	010210000375	9/12	Bảo Nhai	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
130	HÀ DUY NHẬT	09/4/2011	Nam	010211005307	9/12	Mường Bo	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
131	MA SEO PHÚ	16/02/2010	Nam	010210007503	9/12	Xuân Quang	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
132	NÔNG ĐỨC TRỊNH	04/11/2011	Nam	010211003172	9/12	Văn Bản	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
133	BÙI QUANG TÙNG	15/3/2011	Nam	010211002316	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
134	PHẠM GIA BẢO	08/10/2009	Nam	010209008252	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
135	GIÀNG SEO HUY	27/12/2011	Nam	010211009070	9/12	Pha Long	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
136	SÙNG VĂN MINH	6/5/2011	Nam	010211002904	9/12	Pha Long	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
137	LÊ VIỆT THẮNG	18/02/2011	Nam	010211008749	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
138	LƯƠNG MINH TRÍ	19/09/2011	Nam	010211004345	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
139	LÝ HỒNG PHONG	01/02/2011	Nam	010211002905	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
140	NGUYỄN MẠNH HÙNG	22/03/2011	Nam	010211004366	9/12	Văn Bản	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
141	NGUYỄN MINH HOÀNG	03/6/2010	Nam	010210009535	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
142	MA VĂN LƯƠNG	27/12/2011	Nam	010211009942	9/12	MUÔNG KHUẾ	Lào Cai	Điện công nghiệp	Trung cấp	
143	NGUYỄN THÀNH CƯỜNG	22/05/2011	Nam	010214009512	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Điện công nghiệp và	Trung cấp	
144	TRƯƠNG VĂN AN	13/08/2011	Nam	0100211007525	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Điện công nghiệp và	Trung cấp	
145	ĐÀO MINH QUÂN	20/4/2010	Nam	010210005270	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Điện công nghiệp và	Trung cấp	
146	NGUYỄN HOÀNG HẢI	17/03/2011	Nam	010211007114	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Điện công nghiệp và	Trung cấp	
147	NGUYỄN NGỌC TRÍ	1/31/2011	Nam	010211006837	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Điện công nghiệp và	Trung cấp	
148	NGUYỄN MINH HUY	29/10/2011	Nam	0	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Điện công nghiệp và	Trung cấp	
149	TRẦN QUỐC HUY	11/11/2010	Nam	010210008084	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Điện công nghiệp và	Trung cấp	
150	TRẦN QUỐC TÚ	21/3/2011	Nam	010211009551	9/12	Trịnh Tường	Lào Cai	Điện công nghiệp và	Trung cấp	
151	CHÀO LÁO TÀ	06/01/2011	Nam	010211005724	9/12	Mường Bo	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
152	CHÀO LÁO TÀ	19/5/2011	Nam	010211007636	9/12	Mường Bo	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
153	ĐẶNG QUỐC KIẾT	11/3/2011	Nam	010211001655	9/12	Trịnh Tường	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
154	ĐẶNG QUỐC KHÁI	11/3/2011	Nam	010211006183	9/12	Trịnh Tường	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
155	Hoàng Hà Sơn Nam	17/6/2011	Nam	0	9/12	Hợp Thành	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
156	Triệu Văn Đương	22/4/2011	Nam	0	9/12	Hợp Thành	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
157	Đào Duy Khánh	15/2/2011	Nam	010211007702	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
158	PHAN VĂN HÙNG	04/02/2011	Nam	015211004555	9/12	Lâm Giang	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
159	HÀNG THANH CỬ	11/11/2010	Nam	010210005319	9/12	Bảo Yên	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
160	TRĂNG A BẢO	12/9/2011	Nam	010211001651	9/12	Y Tý	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
161	LÝ THÀNH CÔNG	23/12/2011	Nam	010211004517	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
162	TRỊNH QUỐC NINH	04/03/2011	Nam	010211004331	9/12	Khánh Yên	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
163	TRIỆU NGUYỄN VŨ	09/12/2011	Nam	010211006950	9/12	Tăng Lóng	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
164	NGUYỄN BẢO NAM	11/01/2011	Nam	010211006682	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
165	TRƯƠNG LÂM PHONG	30/04/2011	Nam	010211009348	9/12	Võ Lao	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
166	CÀ VĂN NHƯ	29/11/2011	Nam	011211004435	9/12	Sắng Nhè	Điện Biên	Điện dân dụng	Trung cấp	
167	HOÀNG HẢI NAM	10/12/2010	Nam	010210004477	9/12	Cốc San	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
168	LÊNG DUY KHANG	24/10/2011	Nam	010211005410	9/12	Mường Khương Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
169	TRẮNG TRƯỞNG HẠNH	5/3/2011	Nam	010211008084	9/12	Mường Khương Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
170	BÙI GIA HẢO	04/01/2011	Nam	004211005420	9/12	Bảo Thắng Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
171	CHẢO LÃO LỖ	08/8/2011	Nam	010211009023	9/12	Mường Bo Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
172	HOÀNG ĐỨC HẢI	24/07/2011	Nam	010211006781	9/12	Khánh Yên Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
173	CHẢO VĂN HÙNG	28/4/2011	Nam	010211003137	9/12	Gia Phú Lào Cai	Hàn	Trung cấp	
174	TRIỆU ĐỨC XUÂN	10/7/2011	Nam	010211001245	9/12	Gia Phú Lào Cai	Hàn	Trung cấp	
175	NGUYỄN GIA BẢO	25/10/2011	Nam	010211009814	9/12	Gia Phú Lào Cai	Hàn	Trung cấp	
176	LƯƠNG TRUNG HIẾU	18/8/2011	Nam	010211001400	9/12	Gia Phú Lào Cai	Hàn	Trung cấp	
177	VŨ SEO SẾNH	11/8/2003-	Nam	010203008027	9/12	Bắc Hà Lào Cai	Hàn	Trung cấp	
178	LÊ MINH HOÀNG	30/4/2011	Nam	010211000294	9/12	Phong Hải Lào Cai	Hàn	Trung cấp	
179	TRẮNG A LỬ	01/07/2011	Nam	010211006933	9/12	Khánh Yên Lào Cai	Hàn	Trung cấp	
180	SÙNG NGỌC THAO	06/7/2011	Nữ	010311000304	9/12	Tằng Loỏng Lào Cai	Hội họa	Trung cấp	
181	NGUYỄN HÀ THU NGÂN	16/12/2011	Nữ	010311003680	9/12	Tằng Loỏng Lào Cai	Hội họa	Trung cấp	
182	VÀNG THỊ THUÝ CẨM	22/02/2011	Nữ	010311002558	9/12	Bản Phiệt Lào Cai	Hội họa	Trung cấp	
183	NGUYỄN VĂN LONG	17/7/2010	Nam	010210003887	9/12	Phong Hải Lào Cai	Hội họa	Trung cấp	
184	Đoàn Vinh Thạch	7/9/2011	Nam	010211002526	9/12	Lào Cai Lào Cai	Hội họa	Trung cấp	
185	AN HỒNG HÀ PHƯƠNG	24/3/2011	Nữ	01031101403	9/12	Bảo Thắng Lào Cai	Hội họa	Trung cấp	
186	DOÃN THANH HUYỀN	4/10/2011	Nữ	010611004791	9/12	Cam Đường Lào Cai	Hội họa	Trung cấp	
187	MA THỊ THU PHƯƠNG	13/5/2009	Nữ	010309008050	9/12	Xuân Quang Lào Cai	Hội họa	Trung cấp	
188	TRẦN ĐẠI THẠCH	21/7/2009	Nam	010209004747	9/12	Bản Lầu Lào Cai	Hội họa	Trung cấp	
189	LÝ THỊ THẢO MY	20/01/2011	Nữ	010311001456	9/12	Lào Cai Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
190	Vũ Anh Bảo Ngọc	23/12/2010	Nữ	010310008629	9/12	Cam Đường Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
191	HÀU THỊ CHÁU	26/11/2011	Nữ	010311007054	9/12	Bản Lầu Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
192	LÝ TẢ MÂY	04/01/2011	Nữ	010311006288	9/12	Tả Phìn Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
193	Nguyễn Minh Dương	11/6/2010	Nam	010210008660	9/12	Cam Đường Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
194	CHẢO MAI HƯƠNG	27/01/2011	Nữ	010311007719	9/12	Ngũ Chỉ Sơn Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
195	PHẦN THỊ THU	24/12/2011	Nữ	010311010247	9/12	Bản Xèo Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
196	Đặng Hữu Đăng	20/5/2011	Nam	010211002945	9/12	Lào Cai Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
197	HOÀNG NGỌC DIỆP	19/04/2011	Nữ	010191002169	9/12	Văn Bàn Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
198	PHẠM THỊ TỔ UYÊN	16/11/2011	Nữ	0353773046	9/12	Văn Bàn Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
199	PHÙNG THỊ CHÚI	18/04/2011	Nữ	0	9/12	Văn Bàn Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
200	PHẦN THỊ PHƯƠNG	24/02/2011	Nữ	0	9/12	Văn Bàn Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
201	GIANG THỊ THANH HÂN	01/02/2011	Nữ	0	9/12	Văn Bàn Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
202	HOÀNG ÁNH TUYẾT	13/8/2011	Nữ	010311006669	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
203	LŨ MINH THUẬN	1/9/2010	Nữ	010310000494	9/12	Mường Khương	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
204	THẢO VÂN HẰNG	25/8/2011	Nữ	010311001600	9/12	Mường Khương	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
205	THẢO A SÁI	18/8/2010	Nam	010210010213	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
206	MAI THỊ HƯƠNG GIANG	1/6/2011	Nữ	010311008083	9/12	Bảo Yên	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
207	HOÀNG THỊ LÀNH	24/9/2006	Nữ	010306009092	9/12	Thượng Hà	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
208	CAO THỊ NHI	01/8/2011	Nữ	010311001747	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
209	MA THỊ DU	6/7/2011	Nữ	010311005876	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
210	THẢO SEO PHONG	5/9/2011	Nam	010211003086	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
211	VŨ TUYẾT NHI	05/9/2011	Nữ	010311006653	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
212	TRIỆU THỊ YẾN	20/11/2011	Nữ	010311006638	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
213	HOÀNG THỊ NHƯ	7/3/2011	Nữ	010311006478	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
214	HOÀNG THỊ VÂN	20/11/2011	Nữ	010311007772	9/12	Xuân HÒa	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
215	VÀNG THỊ CẦU	20/7/2011	Nữ	010311003805	9/12	Thượng Hà	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
216	HÀ KIM PHƯỢNG	12/01/2011	Nữ	012311005326	9/12	Than Uyên	Lai Châu	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
217	LÝ THỊ TIN	6/8/2011	Nữ	010311003195	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
218	CỎ THỊ LINH	6/11/2011	Nữ	010311002575	9/12	nghĩa Đô	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
219	SÙNG THỊ SIM	23/10/2011	Nữ	010311007818	9/12	Lũng Phình	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
220	CỎ THỊ HẢI YẾN	19/12/2011	Nữ	010311002139	9/12	Nghĩa Đô	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
221	MA SEO SINH	19/3/2011	Nam	010211003012	9/12	Thượng Hà	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
222	TRẦN THỊ XUÂN MAI	21/11/2011	Nữ	010311006607	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
223	LỰ' TRƯỜNG NGUYỄN	5/1/2011	Nam	010211005938	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
224	LÝ GIA HUY	14/3/2011	Nam	010211005723	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Hướng dẫn du lịch	Trung cấp	
225	BẢN ĐĂNG KHÔI	13/10/2011	Nam	010211009758	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Điện dân dụng	Trung cấp	
226	VŨ HẢI YẾN	11/10/2011	Nữ	010311009175	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
227	CHẢO MÙI NÁY	27/4/2011	Nữ	010311005067	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
228	PHÙNG HỮU THÀNH	18/3/2011	Nam	010211006945	9/12	Tăng Loỏng	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
229	LẠI ANH TÚ	28/11/2011	Nam	010211000326	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
230	THÈN ĐỨC VIỆT	08/7/2010	Nam	010210003314	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
231	BẢN QUỐC KHÁNH	31/8/2011	Nam	010211001588	9/12	Xuân Quang	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
232	Nông Ngọc Anh	9/11/2011	Nam	0	9/12	Hợp Thành	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
233	TRÁNG A HẠ	26/5/2008	Nam	010208009277	9/12	Dền Sáng	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
234	SÙNG THỊ SẼ	01/01/2010	Nữ	010310003120	9/12	Ngũ Chỉ sơn	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
235	ĐẶNG VĂN NGHĨA	19/7/2010	Nam	010210001259	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
236	PHÙNG ĐĂNG KHÔI	10/04/2011	Nam	010211009187	9/12	Khánh Yên	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
237	BÀN VĂN NHẤT	09/05/2011	Nam	0	9/12	Văn Bàn	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
238	ĐẶNG ANH HÀ	18/09/2011	Nam	010211007274	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
239	NGUYỄN QUỐC HUNG	31/10/2011	Nam	010211001892	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
240	BÙI TẤN DŨNG	19/12/2011	Nam	010211006099	9/12	Tăng Loóng	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
241	LƯƠNG THỊ THƠ	30/4/2011	Nữ	010311007545	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
242	HÀU THỊ THỨ	18/3/2011	Nữ	010311007471	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
243	VŨ NGỌC ÁNH	22/8/2011	Nữ	010311008794	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
244	HOÀNG QUỐC LONG	18/11/2011	Nam	010211007750	9/12	Nghĩa Đô	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
245	HOÀNG ANH VŨ	30/10/2011	Nam	010211003202	9/12	Nghĩa ĐỒ	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
246	TRẦN VĂN HOÀN	04/05/2011	Nam	010211005457	9/12	Bát Xát	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
247	GIÀNG THỊ PẢNG	06/01/2011	Nữ	0	9/12	Si Ma Cai	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
248	PHẦN A PHÚC	26/01/2011	Nam	010211008027	9/12	A Mú Sung	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
249	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	09/11/2011	Nam	027211010840	9/12	Xuân Quang	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
250	SÙNG THỊ LIÊN	19/04/2011	Nữ	015311005153	9/12	Lâm giang	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
251	PHÙNG TUYẾT ÁNH	24/7/2010	Nữ	010310004856	9/12	Sa Pa	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
252	LÊ NGUYỄN DUY LONG	5/1/2011	Nam	010211007349	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
253	PHẠM QUỐC VIỆT	16/4/2010	Nam	010210002517	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	Trung cấp	
254	SÙNG VĂN PHONG	16/2/2011	Nam	010211006189	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
255	NGUYỄN DUY HOÀNG	21/1/2011	Nam	010211001341	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
256	HOÀNG BẢO NGỌC	28/4/2011	Nam	015211000252	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
257	NÔNG VĂN ĐỨC	1/6/2011	Nam	010211001978	9/12	Nghĩa Đô	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
258	LŨ HOÀNG HẢI	3/12/2009	Nam	010208003461	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
259	LÂM GIA ĐÌNH	29/6/2011	Nam	010211009548	9/12	Bảo Nhai	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
260	TRIỆU VĂN LONG	21/7/2008	Nam	010208005408	9/12	Tăng Loóng	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
261	TRẦN VĂN MẠNH	10/12/2010	Nam	010210008534	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
262	LƯƠNG GIA HUY	18/10/2011	Nam	01021100672	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
263	LỰ ĐĂNG KHẢI	11/10/2011	Nam	010211005487	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
264	GIÀNG A SENG	27/01/2011	Nam	010211006138	9/12	Tả Phìn	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
265	HOÀNG MẠNH QUANG	22/8/2011	Nam	010211009032	9/12	Nghĩa Đô	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
266	BÀN TIẾN ĐẠT	23/10/2011	Nam	010211005696	9/12	Thượng Hà	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
267	PHẠM NGỌC TUYẾN	27/10/2007	Nam	010207007555	9/12	Lào cai	Lào Cai	Kỹ thuật máy lạnh	Trung cấp	
268	CHU HOÀNG DOANH	19/07/2011	Nam	0	9/12	Văn Bàn	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
269	NÔNG VĂN THUẬN	27/01/2011	Nam	010211003216	9/12	Văn Bàn	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
270	PHẠM PHƯỚC THỊNH	24/01/2011	Nam	010211006859	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
271	LỰ TUẤN VŨ	29/04/2011	Nam	010211007387	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
272	HÀ XUÂN BẮC	08/01/2011	Nam	010211000221	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Kỹ thuật xây dựng	Trung cấp	
273	ĐẶNG NGỌC BÍCH	19/8/2011	Nữ	010311003832	9/12	Tằng Loỏng	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
274	PHẦN MINH THƯ	20/9/2011	Nữ	010311006325	9/12	Tằng Loỏng	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
275	CHÀO HỒNG NGỌC	19/9/2011	Nữ	010311000038	9/12	Tằng Loỏng	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
276	BÙI HỒNG HẠNH	25/10/2009	Nữ	010309000241	9/12	Tằng Loỏng	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
277	NÔNG MẠNH VŨ	12/12/2011	Nam	010211008871	9/12	Tả Van	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
278	VÀNG TRUNG TRỰC	09/7/2011	Nam	010211005022	9/12	Tả Van	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
279	LÒ HÀ LINH	06/11/2011	Nữ	010311007441	9/12	Bát Xát	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
280	SỈN THÚY LAN	04/12/2010	Nữ	010310007814	9/12	Bát Xát	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
281	PHÙNG TẢ MÁY PÚ	24/11/2010	Nữ	010310002109	9/12	Bản Hồ	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
282	Nguyễn Quỳnh Trang	17/3/2011	Nữ	025311009496	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
283	SÙNG THỊ MÂY	9/2/2011	Nữ	01031100634	9/12	Bản Lầu	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
284	NGÀI THỊ MÔI	5/1/2011	Nữ	010311002194	9/12	Pha Long	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
285	LY THỊ HƠN	12/7/2011	Nữ	010311008809	9/12	Mường Khương	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
286	NÔNG ĐỨC HÙNG	12/11/2011	Nam	010211004248	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
287	GIÀNG A ĐÔNG	19/5/2011	Nam	010211009264	9/12	Xuân Hòa	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
288	CHÀO SAN MÂY	26/5/2011	Nữ	010311008839	9/12	Ngũ Chi Sơn	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
289	LÝ TẢ MÂY	24/11/2011	Nữ	010311004410	9/12	Tả Phìn	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
290	Nguyễn Đắc Phương Thảo	17/6/2011	Nữ	010311006183	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
291	LÝ HỒNG QUYỀN	05/06/2011	Nữ	015311009371	9/12	Lâm Giang	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
292	LÝ THỊ LAN	22/11/2011	Nữ	015311003776	9/12	Lâm Giang	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
293	ĐẶNG THỊ THU THỦY	09/05/2011	Nữ	015311002097	9/12	Lâm Giang	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
294	NGUYỄN HOÀNG BẢO NHI	28/06/2011	Nữ	008311008429	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
295	LY THỊ NGƯ	23/11/2011	Nữ	010311007270	9/12	Mường Khương	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
296	LỪNG SÁN DIU	26/1/2011	Nam	010211006679	9/12	Pha Long	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
297	PHẦN THU HOÀI	28/6/2011	Nữ	010311008933	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
298	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	29/5/2011	Nữ	010311005044	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
299	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	18/06/2011	Nữ	010311002682	9/12	Văn Bàn	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
300	NGUYỄN THỊ NHI	02/08/2011	Nữ	010311001849	9/12	Sơn Thủy	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
301	MA THANH HẰNG	25/11/2011	Nữ	010311001735	9/12	Sơn Thủy	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
302	VÀNG THỊ YẾN NHI	03/11/2011	Nữ	010311006977	9/12	Bản Hồ	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
303	ĐẶNG THU HÀ	15/1/2011	Nữ	010311003540	9/12	Thượng Hà	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
304	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	13/2/2009	Nữ	010309008697	9/12	Thượng Hà	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
305	GIÀNG ÁNH THỦY	4/2/2011	Nữ	010311005427	9/12	Pha Long	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
306	HÀ THUỖ DƯƠNG	30/5/2011	Nữ	010311006863	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
307	TRẦN KIM THUYỀN	06/01/2011	Nữ	010311006233	9/12	Mường Bo	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
308	HOÀNG THỦY LINH	20/10/2011	Nữ	010311008034	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
309	HOÀNG MAI PHƯƠNG	08/08/2011	Nam	0	9/12	Văn Bản	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
310	BÀN THỊ MÁY	20/06/2011	Nữ	010311005475	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
311	ĐÀO THỊ HỒNG QUYỀN	24/03/2011	Nữ	010311002031	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
312	LƯ' THANH TRÚC	14/10/2011	Nữ	010311005745	9/12	Tằng Lông	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
313	LƯƠNG THỊ THU HOÀI	29/08/2011	Nữ	010311008806	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
314	TÂN THỊ PHƯƠNG THANH	02/12/2010	Nữ	010310000240	9/12	Y Tỷ	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
315	VŨ THỊ HỒNG HẠNH	28/10/2011	Nữ	010311005394	9/12	Khánh Yên	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
316	NGUYỄN LÊ KHÁNH VY	01/02/2010	Nữ	010310008312	9/12	Sơn Hà	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
317	GIÀNG THỊ SƯA	16/04/2011	Nữ	010311007125	9/12	Khánh Yên	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
318	TRẮNG THỊ A	04/02/2011	Nữ	010311005133	9/12	Khánh Yên	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
319	SÙNG THỊ PHƯƠNG	1/6/2011	Nữ	0	9/12	Pha Long	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
320	GIÀNG SEO SUNG	3/11/2011	Nam	0	9/12	Pha Long	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
321	NÔNG THỊ KIM NGÂN	21/5/2011	Nữ	010311005417	9/12	Bản Hồ	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
322	NGUYỄN THỦY DUNG	18/9/2006	Nữ	010306004048	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Nghiep vụ nhà hàng,	Trung cấp	
323	Đoàn Minh Phú	9/12/2011	Nam	0	9/12	Lào Cai	Lào Cai	NT Biểu diễn múa	Trung cấp	
324	CƯ' THỊ NGÂN	12/10/2008	Nữ	010308000136	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Organ	Trung cấp	
325	GIÀNG THỊ KIM HOA	27/4/2011	Nữ	010311007284	9/12	Xuân Quang	Lào Cai	Organ	Trung cấp	
326	GIÀNG MINH QUANG	17/9/2011	Nam	010211001220	9/12	Cốc Lầu	Lào Cai	Organ	Trung cấp	
327	SÙNG SEO THẮNG	07/3/2011	Nam	010211004684	9/12	Phong Hải	Lào Cai	Organ	Trung cấp	
328	CƯ' A MONG	11/10/2011	Nam	010211001722	9/12	Phong Hải	Lào Cai	Organ	Trung cấp	
329	LÒ THỊ DÊNH	11/02/2011	Nữ	010311003248	9/12	Cốc Lầu	Lào Cai	Organ	Trung cấp	
330	LÝ THỊ SƯA	28/10/2010	Nữ	010310005229	9/12	Sa Pa	Lào Cai	Organ	Trung cấp	
331	LÝ THỊ DÚ	03/01/2011	Nữ	010311007867	9/12	Bản Xèo	Lào Cai	Thanh nhạc	Trung cấp	
332	TRẦN NGỌC THÁI	13/3/2011	Nam	010211000180	9/12	Gia Phú	Lào Cai	Thanh nhạc	Trung cấp	
333	TRẦN LINH CHI	27/12/2010	Nữ	010310007759	9/12	Bảo Yên	Lào Cai	Thanh nhạc	Trung cấp	
334	PHAN MINH QUÂN	16/10/2011	Nam	010211005198	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Thú y	Trung cấp	
335	TÂN MÂY KIN	05/10/2010	Nữ	010310003376	9/12	A Mú Sung	Lào Cai	Thú y	Trung cấp	
336	TRIỆU TRUNG LƯƠNG	23/9/2011	Nam	010211009983	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Thú y	Trung cấp	
337	TRIỆU VĂN CƯỜNG	12/9/2011	Nam	010211006341	9/12	Bảo Nhai	Lào Cai	Thú y	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
338	Trần Nhật Anh	10/6/2004	Nam	0	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
339	BẢN BẢO AN	30/1/2011	Nam	010211009916	9/12	Bảo Hà	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
340	TRẮNG SEO TÚ	20/03/2011	Nam	015211008408	9/12	Lâm Giang	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
341	HOÀNG THÙY LINH	18/3/2011	Nữ	010311008762	9/12	Nghĩa ĐỒ	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
342	HỒ THỊ LIỄU	24/6/2010	Nữ	010310002998	9/12	pha Long	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
343	BÙI SỸ TUẤN	28/02/2011	Nam	038211004419	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
344	SÂM BÌNH AN	05/03/2011	Nam	010211008119	9/12	Vô Lao	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
345	VÀNG SEO THÀNH	03/06/2011	Nam	015211001023	9/12	Lâm Giang	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
346	PHẦN A HẰNG	25/10/2007	Nam	012207005959	9/12	Nậm Mạ	Lai Châu	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
347	LƯƠNG KHÁNH THIÊN	13/10/2011	Nam	010211004561	9/12	Thượng Hà	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
348	CHÀO ĐÀO PHÚC	07/3/2011	Nam	010211007553	9/12	Bản Hồ	Lào Cai	Tin học ứng dụng	Trung cấp	
349	CHÀO ÔNG LỖ	03/12/2011	Nam	010211007120	9/12	Bản Hồ	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
350	GIÀNG A SINH	13/02/2011	Nam	010211009100	9/12	Minh Lương	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
351	PHÀ A PHỮ	07/02/2011	Nam	010211008819	9/12	Minh Lương	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
352	LÙ Ỡ HUY	24/9/2022	Nam	010211010041	9/12	Pha Long	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
353	VI VẮN ANH	02/06/2011	Nam	010211003150	9/12	Khánh Yên	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
354	NGUYỄN KHẮC VẮN	26/9/2007	Nam	010207006506	9/12	Lào Cai	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
355	LÙ MINH KHÁNH	21/11/2011	Nam	010211004508	9/12	Bản Hồ	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
356	HÀ VIỆT BẮC	09/07/2011	Nam	010211009043	9/12	Mường Bo	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
357	MẠ DUY KHÁNH	08/08/2011	Nam	0	9/12	Văn Bàn	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
358	HOÀNG VẮN NAM	03/03/2011	Nam	010211003197	9/12	Văn Bàn	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
359	NÔNG ĐỨC TRƯỜNG	02/09/2011	Nam	010211000313	9/12	Văn Bàn	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
360	LÒ HOÀNG HẢI	7/9/2008	Nam	012208004321	9/12	Hua Bum	Lai Châu	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
361	VÙI BẢO AN	06/7/2011	Nam	010211009777	9/12	Mường Hum	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
362	LÙ HỒNG QUÂN	23/7/2008	Nam	010208006494	9/12	Mường Hum	Lào Cai	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
363	PHẦN HÀ GIA	27/7/2009	Nam	012209006221	9/12	Bum Nưa	Lai Châu	Vận hành nhà máy	Trung cấp	
364	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	09/10/2009	Nữ	010309002502	9/12	Bảo Thắng	Lào Cai	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	
365	Nguyễn Thu Thuý	21/10/2011	Nữ	010311003205	9/12	CAm Đường	Lào Cai	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	
366	NGUYỄN THANH VẮN	25/1/2011	Nữ	010311000529	9/12	Cam Đường	Lào Cai	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	
367	Ma Yển Nhi	19/7/2011	Nữ	008311001857	9/12	Lào Cai	Lào Cai	NT Biểu diễn múa	Trung cấp	
368	Đoàn Minh Phú	9/12/2011	Nam	0	9/12	Lào Cai	Lào Cai	NT Biểu diễn múa	Trung cấp	
369	TRIỆU THỊ KHÁCH	09/01/2011	Nữ	010311000563	9/12	Văn Bàn	Lào Cai	NT Biểu diễn múa	Trung cấp	
370	PHẦN TỎ UYÊN	18/3/2011	Nữ	010311000223	9/12	Phong Hải	Lào Cai	NT Biểu diễn múa	Trung cấp	
371	PHẠM TUỆ MINH	12/6/2010	Nữ	010310009239	9/12	Bắc Hà	Lào Cai	NT Biểu diễn múa	Trung cấp	

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
372	LÝ THỊ GIÀNG	16/4/2011	Nữ	010311003795	9/12	Bản Xèo	Lào Cai	NT Biểu diễn múa	Trung cấp	
373	LƯỠNG THỊ MAI THỦY	20/10/2011	Nữ	012311005690	9/12	Mường Than	Lai Châu	NT Biểu diễn múa	Trung cấp	

THỐNG KÊ TRÚNG TUYỂN

TT	Ngành	Số lượng	Số lượng	Ghi chú
1	KT chế biến món ăn	28		28/46
2	Công nghệ ô tô	100		
3	Hàn	7		
4	Điện công nghiệp	37		
5	Điện dân dụng	20		
6	Điện dân dụng và công nghiệp	8		
7	KT Máy lạnh ĐHKK	14		
8	Vận hành nhà máy thủy điện	15		
9	Hội họa	9		
10	Thanh nhạc	3		
11	Organ	7		
12	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	8		
13	KT Xây dựng	13		
14	Thú y	4		
15	Hướng dẫn du lịch	36		
16	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	50		
17	Tin học ứng dụng	11		
18	Kế toán doanh nghiệp	3		
	Tổng cộng	373		

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	TĐVH	Xã/Phường	Tỉnh	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	---------	------	-----------	------	--------------	------------------	---------

